

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Gạch Ngói Từ Sơn

Ngày 30/09/2024	12,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.1%	-0.8%	-

DT thuần Q3/24
1.74
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.17 -40.1%

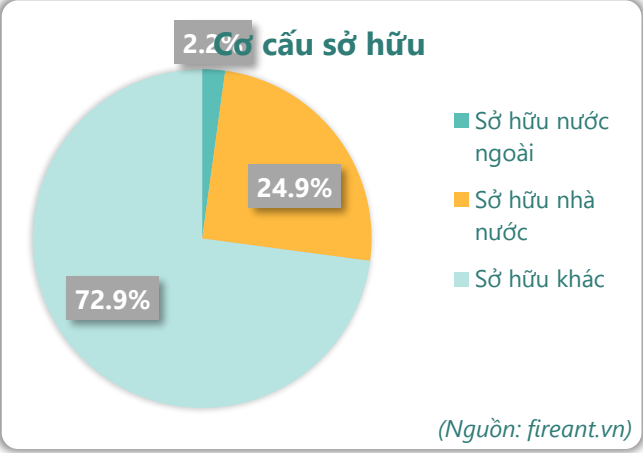
LN thuần Q3/24
-0.47
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.08 69.8%

LN sau thuế Q3/24
-0.55
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.08 66.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/24
-31.6%

ROE (TTM) Q3/24

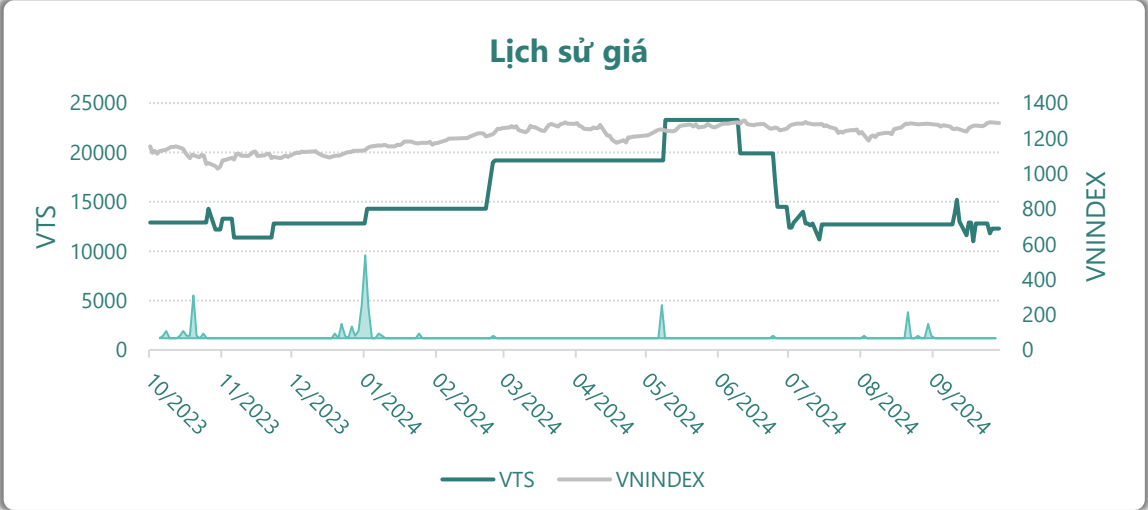
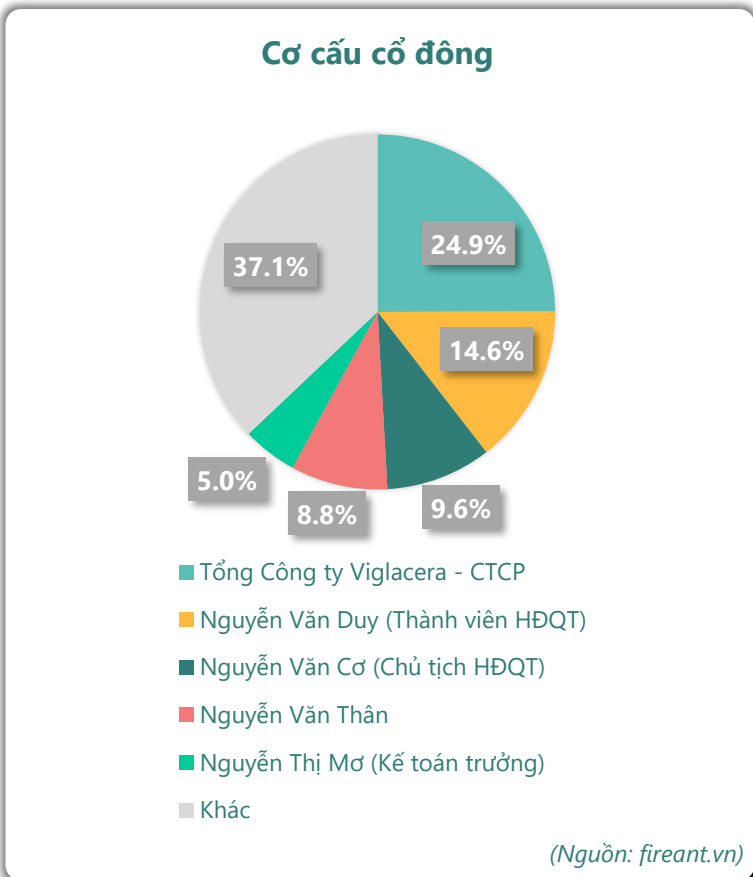
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,000 - 23,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25
Số lượng CPLH (CP)	2,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	155
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	0.39
EPS	
P/E	



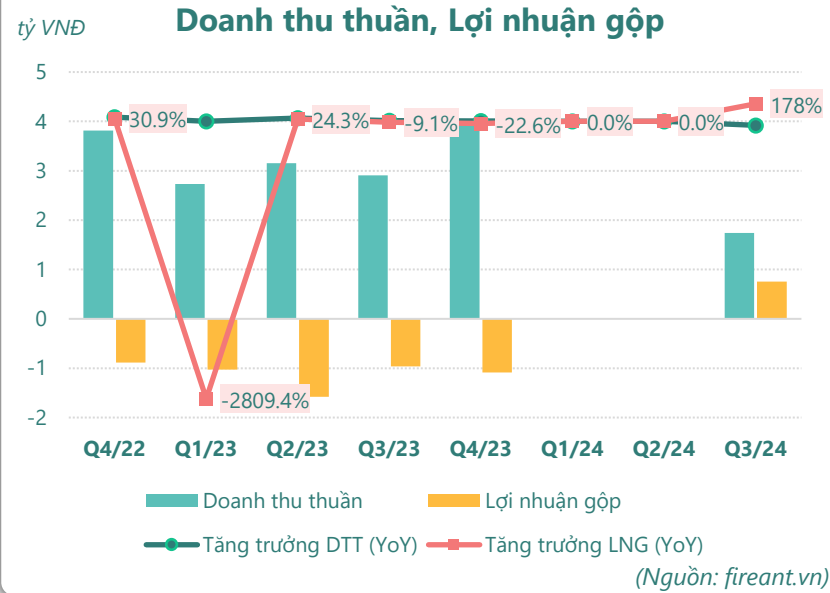
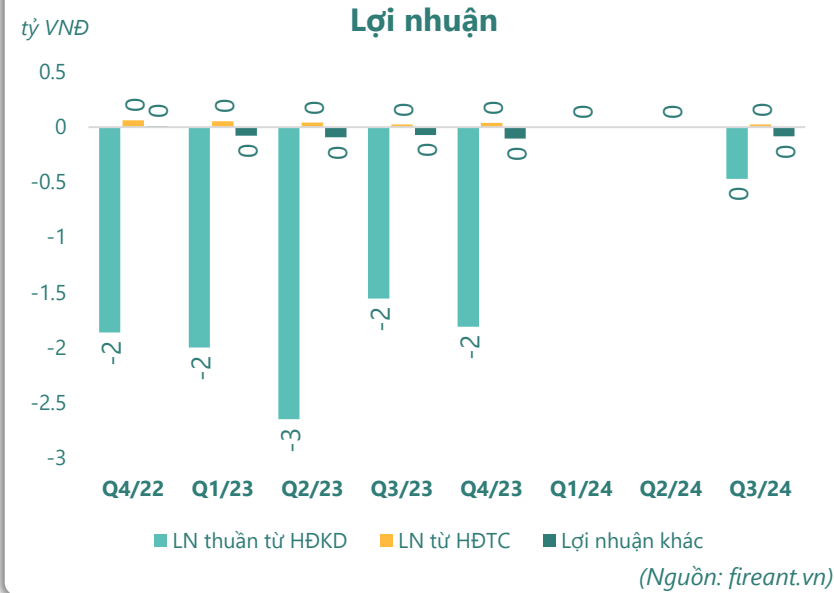
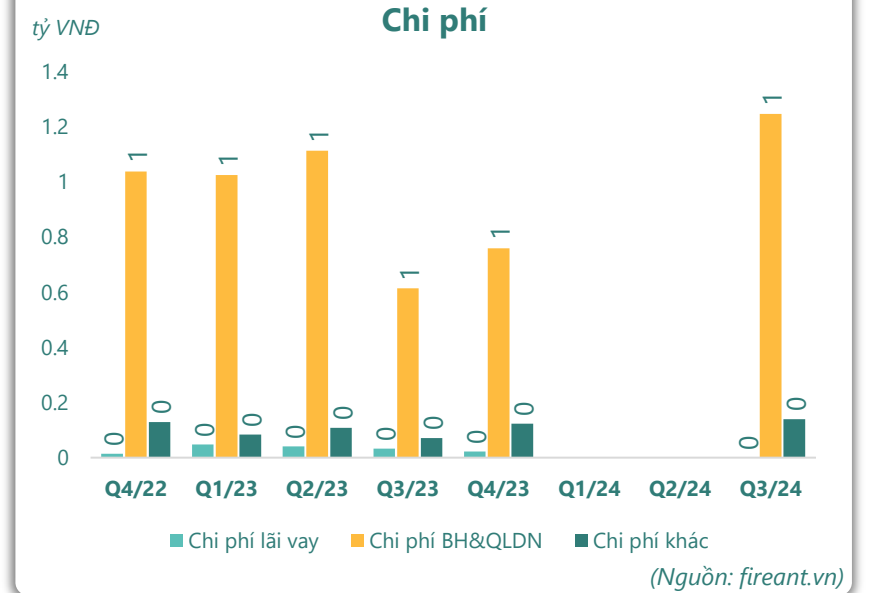
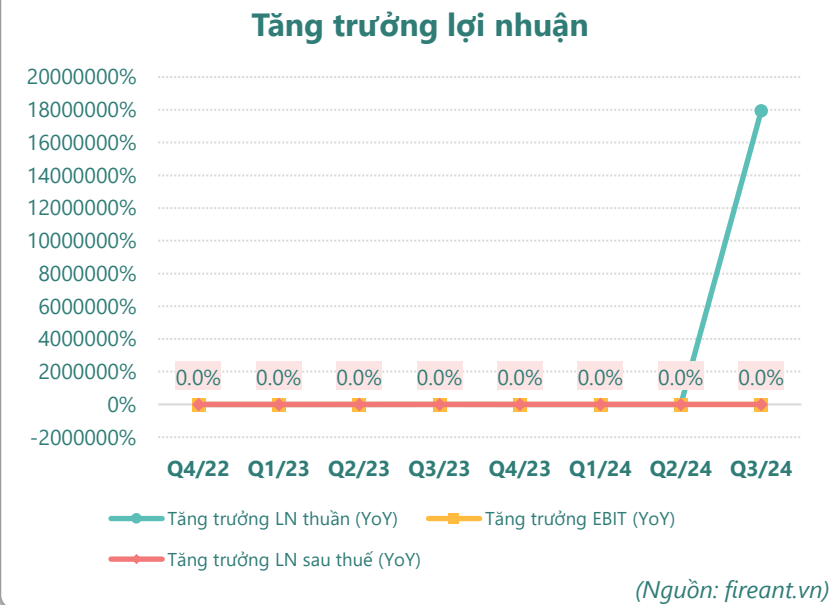
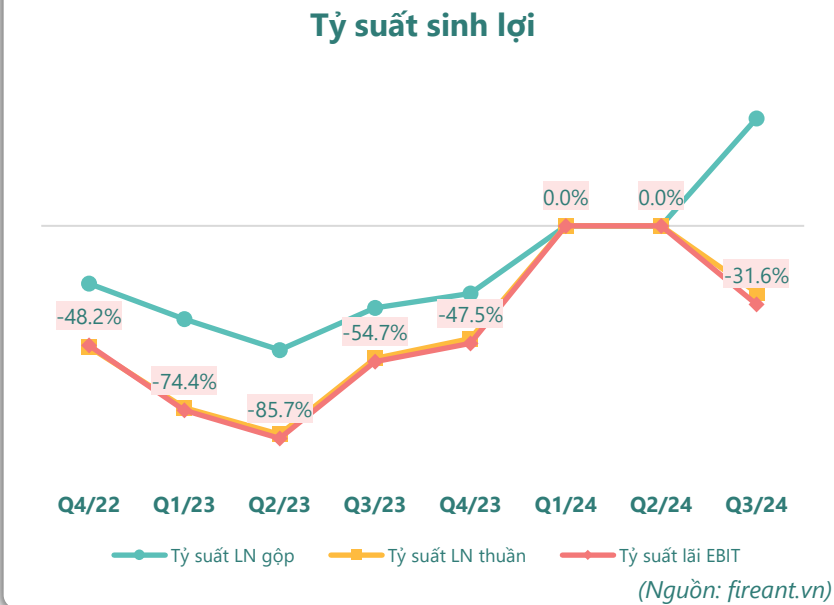
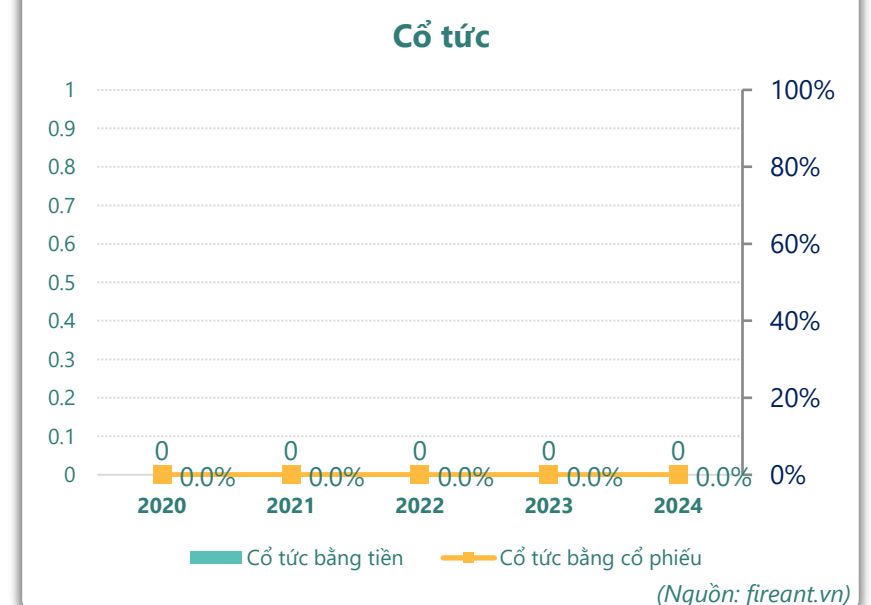
DT thuần 9T 2024
tỷ VNĐ

LN thuần 9T 2024
tỷ VNĐ

LN sau thuế 9T 2024
tỷ VNĐ



KẾT QUẢ KINH DOANH

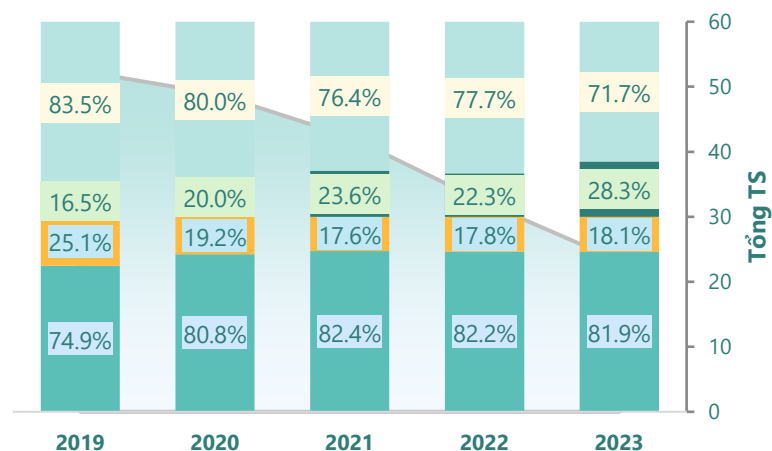




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

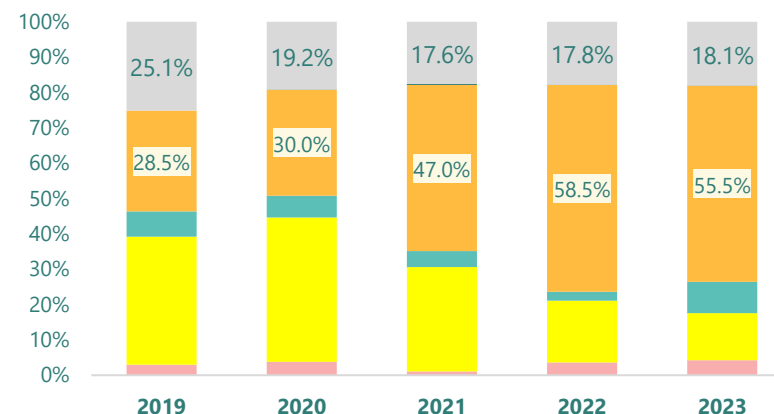
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

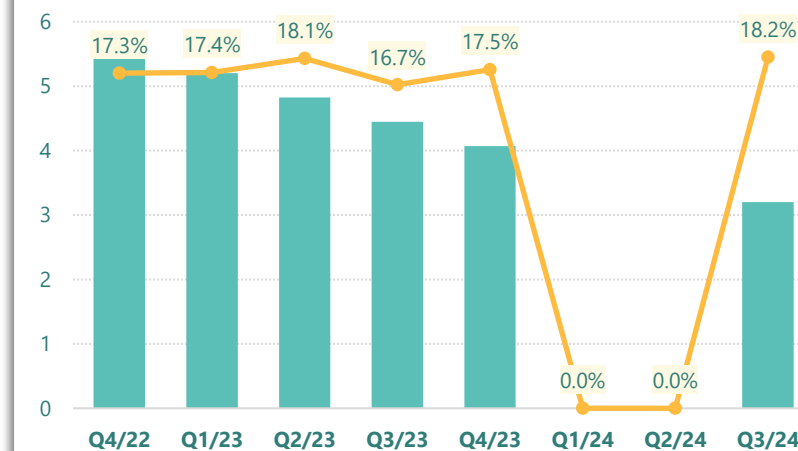


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

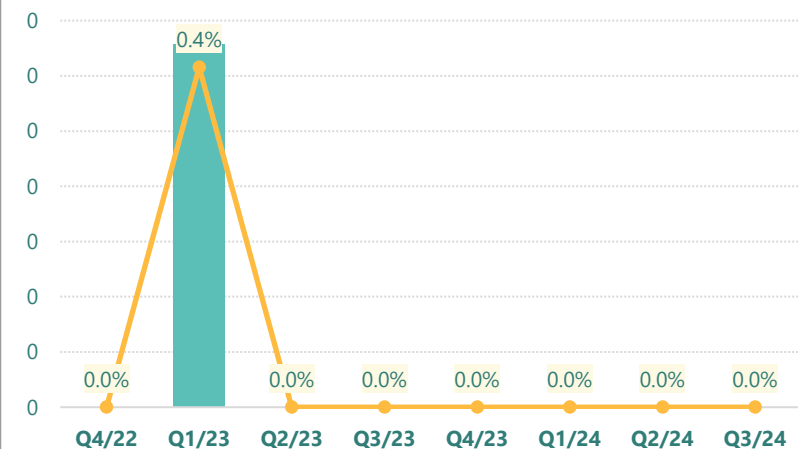


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

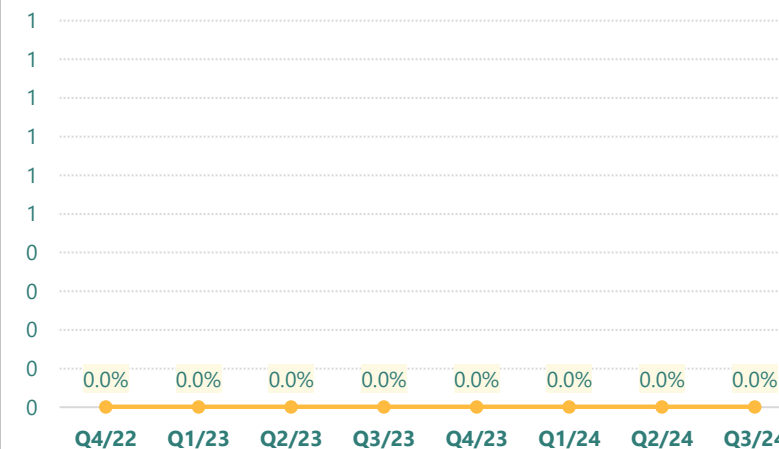


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

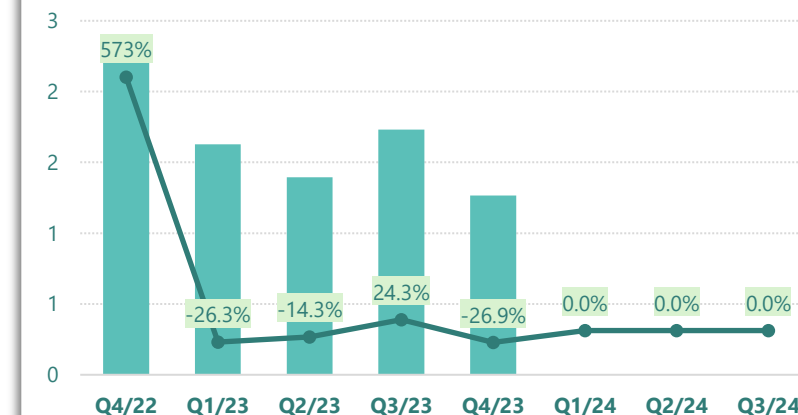


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



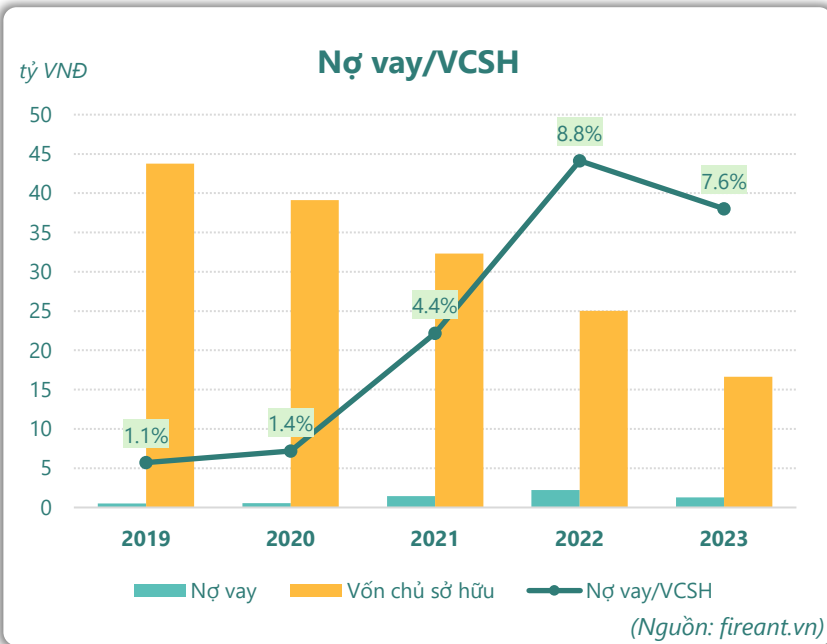
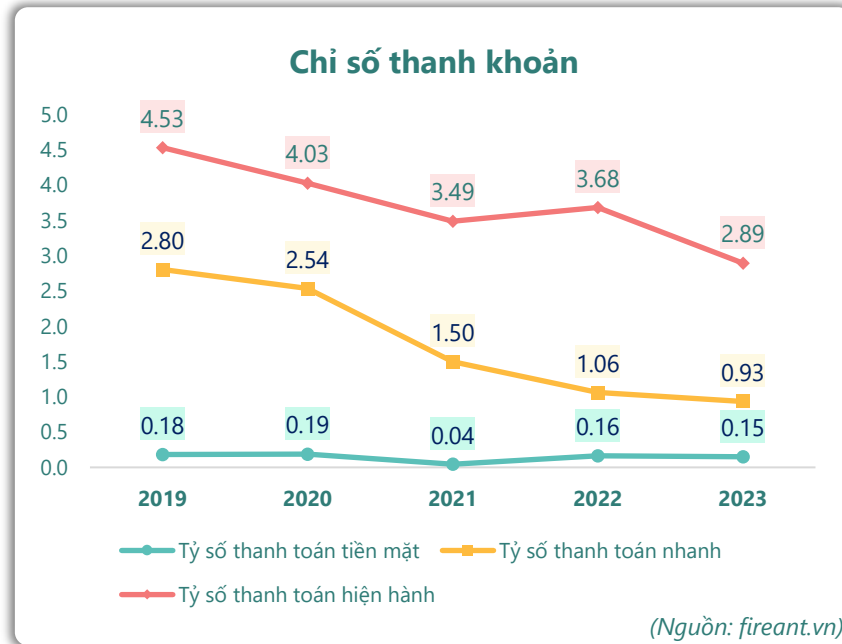
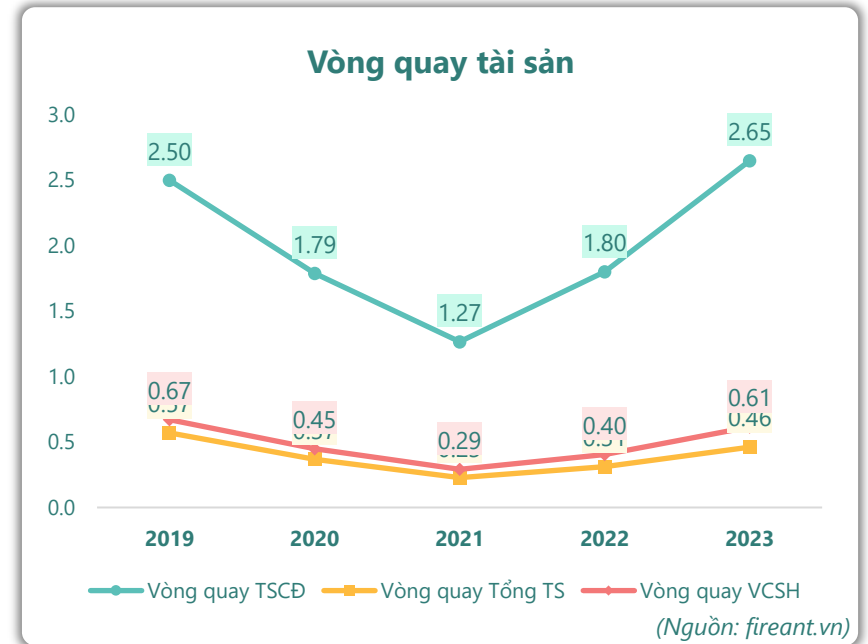
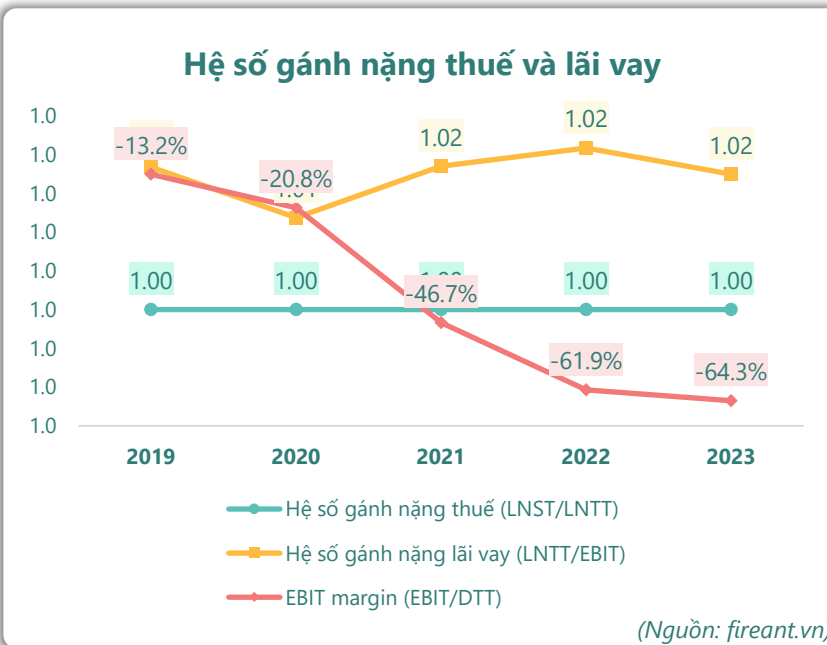
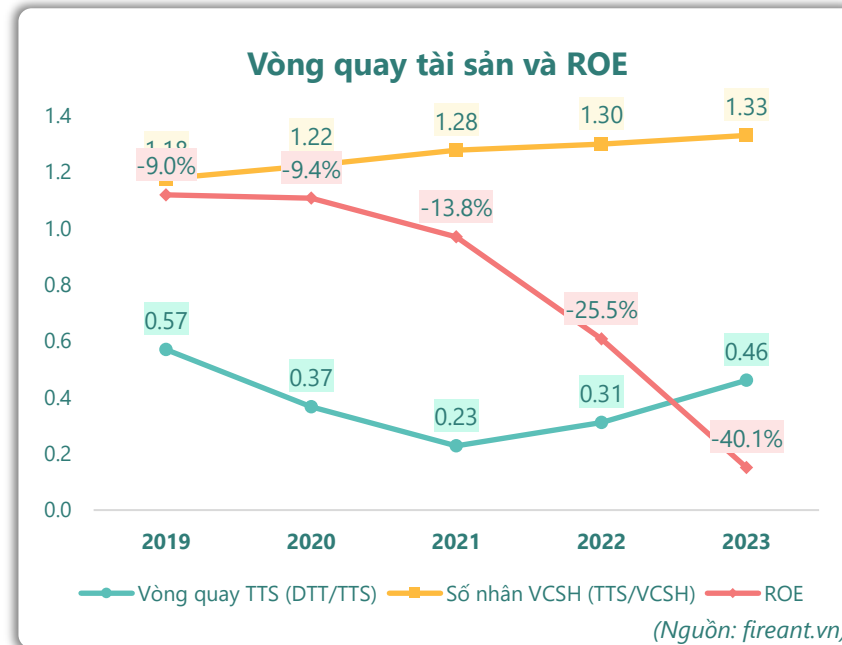
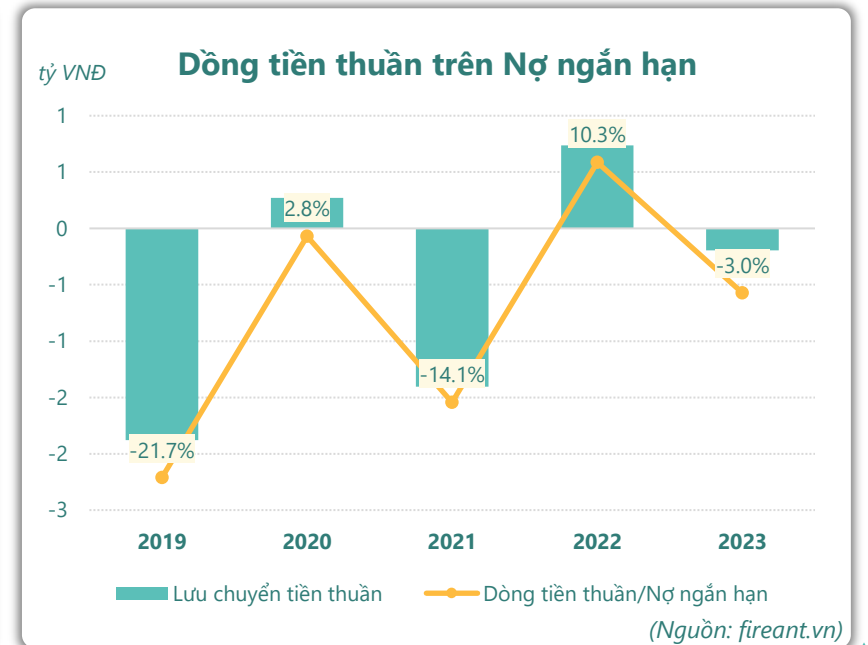
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.74	2.91	-40.1%		8.79	
Giá vốn hàng bán	0.99	3.87	-74.5%		12.4	
Lợi nhuận gộp	0.76	-0.96	179%		-3.57	
Doanh thu HĐTC	0.02	0.06	-60.2%		0.24	
Chi phí TC	0	0.03	-100%		0.12	
Chi phí lãi vay	0	0.03	-100%		0.12	
LN trong công ty LKLD	0	0.00			0	
Chi phí bán hàng	0.30	0.10	196%		0.51	
Chi phí QLDN	0.95	0.52	83.0%		2.24	
LN thuần từ HĐKD	-0.47	-1.55	69.8%		-6.21	
Lợi nhuận khác	-0.08	-0.07	-18.2%		-0.24	
LN trước thuế	-0.55	-1.63	66.2%		-6.45	
LNST của CĐ cty mẹ	-0.55	-1.63	66.2%		-6.45	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.80	-0.74	-0.32	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.38	0.00	1.33	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.23	0.34	-0.47	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.50	0.84	0.44	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0.34	-0.41	0.54	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.84	0.44	0.98	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	17.6	23.2	-24.2%
Tài sản ngắn hạn	14.3	19.0	-24.9%
Tiền và tương đương tiền	0.83	0.98	-15.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.90	3.10	25.8%
Phải thu ngắn hạn	0.65	2.05	-68.3%
Hàng tồn kho	8.91	12.9	-30.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.00	103%
Tài sản dài hạn	3.31	4.20	-21.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.20	4.07	-21.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.11	0.13	-10.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.90	6.57	-25.4%
Nợ ngắn hạn	4.90	6.57	-25.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.27	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.76	3.43	-19.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	12.7	16.6	-23.7%
Vốn chủ sở hữu	12.7	16.6	-23.7%
Vốn điều lệ	20.0	20.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

